

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HUỶNH XUÂN LỢI

NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ
TẠI BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành: Kế toán

Mã ngành: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. HOÀNG TÙNG**

Phản biện 1: **PGS.TS NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG**

Phản biện 2: **GS.TS NGUYỄN QUANG QUYNH**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày
14 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nước ta có hơn 622.977 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ lệ khoảng 97% (Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI). Điều này cho thấy vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm một vị trí quan trọng và là bộ phận không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân, góp phần thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Hệ thống kiểm soát nội bộ là một công cụ quản lý hữu hiệu và hiệu quả các nguồn lực kinh tế của doanh nghiệp mình như: con người, tài sản, vốn... góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh và làm tăng mức độ tin cậy của báo cáo tài chính đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra với hiệu quả cao nhất.

Hiện nay, ảnh hưởng của công nghệ thông tin đối với hệ thống thông tin kế toán ngày càng nhiều. Điều này mang đến rất nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc minh bạch hoá các thông tin nhưng đó cũng là thách thức cho doanh nghiệp trong việc kiểm soát và bảo vệ thông tin của mình. Hệ thống kiểm soát nội bộ cũng cần phải thay đổi, theo chiều hướng chịu ảnh hưởng của việc xử lý dữ liệu bằng điện tử.

Ý thức được tầm quan trọng và bức thiết của vấn đề này, tôi đã chọn đề tài “Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Bình Định” để làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích và đánh giá thực trạng hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định. Đề tài tập trung nghiên cứu vào các vấn đề sau:

- Tìm hiểu và đánh giá thực trạng hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định.

- Xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến các nhân tố cấu thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Đề ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định, giúp ích cho doanh nghiệp bảo vệ trước các rủi ro tiềm ẩn trong kinh doanh, nắm chắc thời cơ phát triển.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu vào các nhân tố cấu thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Bình Định: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dựa trên phương pháp luận khoa học, điều tra khảo sát và phân tích đánh giá thực trạng hệ thống kiểm soát nội bộ. Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục trong luận văn gồm có các chương như sau :

Chương 1: Tổng quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Một số đề tài nghiên cứu đã nêu ở phần tổng quan, cũng đã cho thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của hệ thống kiểm soát nội bộ trong môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày nay. Các nhà quản lý doanh nghiệp ngày nay quan tâm nhiều hơn đến quản lý rủi

ro và kiểm soát nội bộ cho doanh nghiệp mình giúp doanh nghiệp tránh được những rủi ro ngoài mong muốn, giảm thiệt hại và danh tiếng doanh nghiệp, đảm bảo việc tuân thủ các quy định, chính sách và các thủ tục nội bộ, góp phần duy trì báo cáo tài chính đáng tin cậy.

Điều này đòi hỏi, mỗi doanh nghiệp phải xây dựng và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cho phù hợp với đặc điểm của mỗi doanh nghiệp mình, nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, dựa vào 5 nhân tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và truyền thông, Giám sát. Đây là công việc của cả một quá trình với nhiều nỗ lực cả về thời gian, tiền bạc và trí tuệ của doanh nghiệp nhằm đạt được các mục tiêu, chiến lược đề ra.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. KHÁI NIỆM VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Báo cáo COSO năm 1992 định nghĩa: Kiểm soát nội bộ là một quá trình do nhà quản lý, ban giám đốc, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị chi phối, nó được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được ba mục tiêu dưới đây:

- Báo cáo tài chính đáng tin cậy
- Các luật lệ và quy định được tuân thủ
- Hoạt động hữu hiệu và hiệu quả

Trong định nghĩa trên, có bốn khái niệm quan trọng, đó là: quá trình, con người, đảm bảo hợp lý và mục tiêu. Chúng được hiểu như sau:

Kiểm soát nội bộ là một quá trình: Là một chuỗi các hoạt động hiện diện rộng khắp trong doanh nghiệp và chúng kết hợp với nhau

thành một thể thống nhất. Kiểm soát là phương tiện để giúp đơn vị đạt được mục tiêu.

Kiểm soát nội bộ được thiết kế và vận hành bởi con người: Kiểm soát nội bộ không chỉ đơn thuần là những thủ tục, chính sách, biểu mẫu,... mà nó còn bao gồm những con người trong tổ chức.

Đảm bảo hợp lý: Kiểm soát nội bộ chỉ có thể cung cấp một sự đảm bảo hợp lý cho ban giám đốc và nhà quản lý việc đạt được các mục tiêu của đơn vị chứ không phải là sự đảm bảo chắc chắn.

Các mục tiêu của kiểm soát nội bộ: Hệ thống kiểm soát nội bộ giúp doanh nghiệp đạt được các mục tiêu nhưng không có nghĩa là đảm bảo sự thành công của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đặt ra mục tiêu mình cần đạt tới.

1.2. CÁC NHÂN TỐ CẤU THÀNH HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1.2.1. Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát tạo ra sắc thái chung của một tổ chức, thông qua việc chi phối ý thức kiểm soát của các thành viên. Môi trường kiểm soát là nền tảng cho tất cả các thành phần khác của kiểm soát nội bộ. Môi trường kiểm soát bao gồm nhận thức, thái độ và hành động của người quản lý. Một môi trường kiểm soát tốt có thể hạn chế phần nào sự thiếu sót của các thủ tục kiểm soát. Những nhân tố của môi trường kiểm soát được ghi nhận bởi báo cáo COSO 1992 gồm có:

- Tính chính trực và các giá trị đạo đức.
- Năng lực đội ngũ nhân viên.
- Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát.
- Triết lý quản lý và phong cách điều hành.
- Cơ cấu tổ chức.
- Phân chia quyền hạn và trách nhiệm.
- Chính sách nhân sự.

1.2.2. Đánh giá rủi ro

Tất cả các hoạt động đang diễn ra liên quan đến doanh nghiệp đều có thể phát sinh những rủi ro và khó có thể kiểm soát tất cả. Vì vậy các nhà quản lý cần phải thận trọng khi xác định và phân tích, đánh giá rủi ro. .

a. Các loại rủi ro bao gồm:

- Rủi ro hoạt động, Rủi ro xử lý thông tin, Rủi ro nguồn lực hệ thống

b. Đánh giá rủi ro

Nội dung của đánh giá rủi ro bao gồm:

- Thiết lập mục tiêu của doanh nghiệp
- Nhận dạng và phân tích rủi ro.
- Kiểm soát rủi ro khi có thay đổi về kinh tế, công nghệ, kỹ thuật...

1.2.3. Hoạt động kiểm soát

Các hoạt động kiểm soát thông thường tại đơn vị là:

- Phân chia trách nhiệm đầy đủ: Được thực hiện theo hai nguyên tắc cơ bản, đó là nguyên tắc phân công phân nhiệm và nguyên tắc bất kiêm nhiệm. Yêu cầu của nguyên tắc này là không để cho một bộ phận hay cá nhân nào tham gia vào giải quyết toàn bộ nghiệp vụ từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc.

- Ủy quyền đúng đắn cho các nghiệp vụ và hoạt động: tất cả các nghiệp vụ đều phải được ủy quyền cho một người chịu trách nhiệm. Không bất kỳ một ai trong doanh nghiệp có thể vừa mua vừa chi tiêu, dùng tài sản.

- Bảo vệ tài sản vật chất và thông tin:

Bảo vệ tài sản vật chất là ngăn chặn sự mất mát, thất thoát, tham ô, lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích, chỉ người được ủy quyền mới được tiếp cận với tài sản vật chất. Thông tin kế toán đáng tin cậy và

không bị tiết lộ cần thực hiện nhiều hoạt động kiểm soát nhằm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, phê chuẩn các nghiệp vụ và phân quyền.

- Kiểm tra độc lập: Là việc kiểm tra được tiến hành bởi cá nhân hoặc một bộ phận khác với cá nhân hoặc một bộ phận thực hiện nghiệp vụ. Kiểm tra độc lập giúp giảm được các sai sót và gian lận..

- Phân tích rà soát: Phân tích rà soát là sự so sánh giữa hai nguồn số liệu khác nhau, tất cả khác biệt đều cần phải làm rõ.

Các phương pháp phân tích rà soát được trình bày như:

- + Định kỳ đối chiếu số liệu tổng hợp và chi tiết.
- + Đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế và ghi chép sổ sách kế toán.
- + Đối chiếu số liệu được ghi chép giữa đơn vị với bên ngoài.
- + Đối chiếu số liệu kỳ này với số liệu kỳ trước.
- + Đối chiếu số liệu giữa kế hoạch, định mức, và thực tế.

1.2.4. Thông tin và truyền thông

Thông tin và truyền thông tạo ra các báo cáo chứa đựng các thông tin cần thiết cho việc quản lý và kiểm soát đơn vị.

Hệ thống thông tin trong đơn vị gồm nhiều phân hệ, trong đó hệ thống thông tin kế toán là một bộ phận quan trọng. Hệ thống thông tin kế toán xét về mặt quy trình gồm có ba bộ phận: chứng từ, sổ sách và báo cáo.

1.2.5. Giám sát

Giám sát là bộ phận cuối cùng của kiểm soát nội bộ, là một quá trình đánh giá chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ trong suốt thời kì hoạt động để có các điều chỉnh và cải tiến thích hợp.

1.3. HẠN CHẾ VỐN CÓ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu chỉ có thể hạn chế tối đa các sai phạm chứ không thể đảm bảo rủi ro, gian lận và sai sót không xảy ra. *Những hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ, xuất phát từ những nguyên nhân sau:*

Hệ thống kiểm soát nội bộ được thực hiện bởi con người: Quan hệ giữa lợi ích và chi phí:

Hệ thống kiểm soát nội bộ không bao quát được những rủi ro không lường trước:

Tóm lại, kiểm soát nội bộ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý chứ không phải bảo đảm tuyệt đối các mục tiêu được thực hiện. Kiểm soát nội bộ chỉ có thể ngăn ngừa và phát hiện những sai sót, gian lận nhưng không thể đảm bảo là chúng không xảy ra. Vì vậy, một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đến đâu cũng đều tồn tại những rủi ro nhất định. Vấn đề là người quản lý đã nhận biết, đánh giá và giới hạn chúng trong mức độ chấp nhận được.

1.4. KHÁI NIỆM DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.4.1 Trên thế giới

Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Mỹ, là một doanh nghiệp có quyền sở hữu độc lập, hoạt động độc lập và không phải là thành phần nổi trội của một ngành công nghiệp. Tiêu chuẩn cụ thể của doanh nghiệp vừa và nhỏ của Mỹ phụ thuộc vào ngành hoạt động:

- Ngành chế tạo: doanh nghiệp nhỏ nếu số lượng công nhân nhỏ hơn hoặc bằng 250 người, vừa: nếu 250 – 1000 người, lớn: nếu trên 1000 người.

- Những ngành khác thì có tiêu chuẩn khác như: doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp có doanh số không chiếm quá 5% tổng số thương vụ đối với những ngành công nghiệp, có doanh số không quá 5 triệu USD hàng năm.

1.4.2. Ở Việt Nam

Theo Nghị định số 56/2009/NĐ – CP ngày 30/06/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, nêu rõ: “Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ,

nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên)”.

1.4.3. Vai trò các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế hiện tại

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là loại hình kinh tế phổ biến trong nền kinh tế của hầu hết các quốc gia, luôn chiếm tỷ trọng cao, là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm quốc dân, góp phần giải phóng và phát triển sức sản xuất, góp phần phát triển kinh tế xã hội, tăng trưởng kinh tế và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như: Tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo...Nhờ vào hình thức tổ chức nhỏ gọn và hoạt động linh hoạt, đa dạng, phong phú, năng động có mặt ở hầu hết các ngành nghề kinh doanh.

Kết luận chương 1

Chương 1 đã trình bày những điểm cơ bản về lý thuyết Kiểm soát nội bộ để làm cơ sở cho những đánh giá và phân tích về hệ thống kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chương 2.

Đứng trên góc độ nhà quản lý doanh nghiệp, hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu không phải là mục tiêu của doanh nghiệp mà là phương tiện giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu. Hệ thống kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp khác nhau sẽ được xây dựng khác nhau. Tuy nhiên, tất cả các hệ thống sẽ hiệu quả hơn nếu được tổ chức theo báo cáo COSO 1992.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI BÌNH ĐỊNH

2.1. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

2.1.1. Mục đích khảo sát

Mục đích khảo sát nhằm tìm hiểu, phân tích và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp được khảo sát theo tiêu chuẩn COSO năm 1992. Từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn cho các doanh nghiệp.

2.1.2. Đối tượng khảo sát

Đến cuối năm 2011, tỉnh Bình Định có 4.312 doanh nghiệp đang hoạt động, bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp tham gia như: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân. Trong đó có 2 doanh nghiệp lớn và 4.310 doanh nghiệp vừa và nhỏ. *(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bình Định)*

Để có cái nhìn tổng quát về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định, tác giả chọn 30 doanh nghiệp vừa và nhỏ, đang hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Định khảo sát. Trong đó có:

- + 1 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- + 10 công ty cổ phần
- + 17 công ty trách nhiệm hữu hạn
- + 2 doanh nghiệp tư nhân

Quy mô mẫu chọn khảo sát là 30 doanh nghiệp, chiếm 0,7% trên tổng thể là 4.310 doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Bảng khảo sát gửi đến những người có chức vụ quan trọng trong mỗi công ty, doanh nghiệp như: Giám đốc, Phó Giám đốc, có nhiều

năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp và được trả lời trực tiếp vào bảng khảo sát.

2.1.3. Phương pháp khảo sát

Trong luận văn này, chúng tôi sẽ sử dụng những câu hỏi thiết kế với lưu ý là áp dụng riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo bản gốc COSO năm 1992. Tuy nhiên, báo cáo COSO được thiết kế chủ yếu dành cho các doanh nghiệp của Hoa Kỳ mà doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam nói chung và doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Bình Định nói riêng lại có rất nhiều khác biệt. Nên chúng tôi sẽ sử dụng công cụ đánh giá là Bảng câu hỏi gồm 108 câu hỏi được thiết kế lại để phù hợp với quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Bình Định và đánh giá, phân tích theo 5 nhân tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ.

2.2. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRONG MẪU KHẢO SÁT

2.2.1. Môi trường kiểm soát

Các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát đều có cố gắng vào việc hình thành môi trường kiểm soát tốt cho doanh nghiệp mình, cụ thể như: hiểu biết tốt về ngành nghề kinh doanh, môi trường hoạt động, nguồn lực trong doanh nghiệp mình và có quan điểm, nhận thức đúng đắn trong việc áp dụng những nguyên tắc kế toán, chứng từ sổ sách kế toán, công bố thông tin đối với báo cáo tài chính. Các doanh nghiệp đều rất thận trọng trong các quyết định kinh doanh, không muốn mạo hiểm mà luôn suy xét khá cẩn thận, tính toán kỹ lưỡng trước khi quyết định đầu tư.

Nhân sự ở vị trí quản lý cấp cao ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ ít có sự thay đổi. Kết quả này cho thấy sự ổn định trong phong cách quản lý, điều hành và như thế thì tốt cho các hoạt động kiểm soát trong doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy mô hoạt động và có tương đối đầy đủ các phòng ban chức năng, có phân định quyền hạn và trách nhiệm của mỗi phòng ban tương đối rõ trên cơ sở đánh giá năng lực thực tế và trình độ chuyên môn, đạo đức của mỗi nhân viên.

Bên cạnh đó, còn một số nhà quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ ít có sự trao đổi, bàn bạc với các nhân viên về kế hoạch, chiến lược kinh doanh, chủ yếu là do quyết định một chiều từ cấp lãnh đạo cao nhất và được chấp thuận thực thi trong toàn doanh nghiệp, điều này ảnh hưởng đến mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Về các hành vi khen thưởng, khuyến khích nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm làm việc của nhân viên cũng đã được các nhà quản lý quan tâm nhưng mức độ quan tâm chưa nhiều và chưa tương xứng.

2.2.2. Đánh giá rủi ro

Có hơn 50 % doanh nghiệp quan tâm đến việc nhận dạng và phân tích rủi ro hoạt động kinh doanh, số còn lại gần 50% doanh nghiệp hầu như ít thường xuyên quan tâm đến nhận dạng và phân tích rủi ro mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm quản lý điều hành vốn có và cảm tính để đánh giá và nhận dạng. Đánh giá rủi ro về môi trường hoạt động, có trên 63% doanh nghiệp được khảo sát quan tâm đến rủi ro này, số còn lại không quan tâm, điều này sẽ làm cho chính họ thụ động trong các quyết định đầu tư, hoạt động kinh doanh và ảnh hưởng lớn đến mục tiêu của chính họ.

Đánh giá rủi ro về tăng trưởng nhanh, tăng trưởng nhanh đồng nghĩa với rủi ro lớn vì vậy có 60% doanh nghiệp hầu như không muốn mạo hiểm. Các doanh nghiệp đều rất thận trọng với chi tiêu này vì tình hình kinh tế trong nước cũng như trên thế giới hiện nay gặp nhiều khó khăn nên ít mạo hiểm.

Có 50% doanh nghiệp có hành động thay đổi kịp thời đối với các nhân tố tác động từ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, số còn lại là những doanh nghiệp ít quan tâm đến việc nhận dạng và phân tích rủi ro, điều này ảnh hưởng lớn và đe dọa đến các mục tiêu của chính doanh nghiệp mình.

2.2.3. Hoạt động kiểm soát

a. Hệ thống kế toán

Kết quả trả lời cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng hệ thống máy tính để lập báo cáo tài chính, điều này thuận lợi cho chức năng kiểm tra và giám sát thực hiện tốt mục tiêu hoạt động kiểm soát nội bộ.

Hoạt động kiểm soát quá trình xử lý thông tin và nghiệp vụ, kết quả cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều thực hiện kiểm soát tốt từ việc kiểm soát hệ thống kế toán, chứng từ, sổ sách đến phê chuẩn cho các nghiệp vụ, cụ thể như: có chứng từ phản ánh đầy đủ, đánh số thứ tự các chứng từ, tuân thủ quy trình luân chuyển chứng từ, ký trách nhiệm trên mỗi chứng từ, ghi chép chính xác, trung thực, và kiểm tra, đối chiếu vật chất đối với các sổ sách, tài sản...

b. Hệ thống máy tính

Kết quả trả lời khảo sát cho thấy, có trên 33% doanh nghiệp có khai báo User, password trước khi đăng nhập, phân loại đối tượng sử dụng hệ thống và phân quyền Xem, Thêm, Sửa, Xóa cho từng người sử dụng theo chức năng, phần hành kế toán. Số còn lại chưa thực hiện việc khai báo User, password trước khi đăng nhập vào hệ thống, chưa phân loại đối tượng sử dụng hệ thống cho từng người sử dụng vì hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ số lượng nhân viên kế toán ít nên việc phân loại đối tượng sử dụng từng phần hành kế toán cho từng nhân viên không đảm bảo bởi các nhân viên ít nên phải kiêm nhiệm nhiều phần hành kế toán khác nhau. Điều này không tốt cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm soát hoạt động.

Hệ thống thông tin kế toán chứa các tiến trình chuyển đổi dữ liệu đầu vào thành báo cáo tài chính, sổ sách kế toán, phần lớn rủi ro xảy ra ở khâu này là xử lý nghiệp vụ đầu vào và nhập liệu, cần thiết phải giảm thiểu các rủi ro này để giới hạn ảnh hưởng đến hệ thống thông tin kế toán, bảo đảm cho hệ thống hoạt động an toàn, từ đó bảo đảm độ đáng tin cậy cho dữ liệu..

2.2.4. Thông tin và truyền thông

Thông tin và truyền thông là điều kiện để hình thành các báo cáo, chứa đựng các thông tin cần thiết cho việc quản lý giúp đạt các mục tiêu.

Hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ đều sử dụng hệ thống máy tính phục vụ cho công tác kế toán và quản lý. Chỉ có 10% doanh nghiệp áp dụng công tác kế toán thủ công.

Về chứng từ, sổ sách kế toán: Qua kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp đều thực hiện tốt, có chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính được lưu trữ đầy đủ, báo cáo tài chính, có sơ đồ kế toán mô tả nghiệp vụ kinh tế phát sinh, điều này thuận lợi cho chức năng kiểm tra và giám sát.

Kênh thông tin và truyền thông ở các nghiệp được khảo sát cũng đã thực hiện được chức năng của mình như: truyền tải được các quy định, chính sách, các quy trình nghiệp vụ đến mọi nhân viên trong doanh nghiệp để hiểu biết thực thi nhiệm vụ của mình và đồng thời cung cấp các thông tin kịp thời, chính xác, hữu ích cho nhà quản lý để nhận dạng và phân tích.

2.2.5. Giám sát

Hoạt động giám sát thường xuyên mới chỉ được thực hiện thông qua việc tiếp nhận thông tin phản hồi giữa nhân viên và ban lãnh đạo doanh nghiệp về ý kiến của khách hàng, nhà cung cấp.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, hoạt động giám sát định kỳ chưa được các nhà quản lý doanh nghiệp chú trọng nhiều như: định

kỳ chưa tổ chức họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc của từng nhân viên; đồng thời cũng chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ... Vậy nếu có các biến động bất thường xảy ra thì khó có thể phát hiện, giải quyết điều chỉnh kịp thời cho từng thời điểm, từng giai đoạn.

2.3. TỔNG HỢP CÁC ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ Ở CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

2.3.1. Ưu điểm

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên mẫu khảo sát nhìn chung đã có những nỗ lực lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp nâng cao sự chuyên nghiệp, tính chính trực và giá trị đạo đức của từng nhân viên. Các phòng ban chức năng được thành lập và có sự phân chia trách nhiệm, quyền hạn cho từng bộ phận, từng nhân viên. Bên cạnh đó việc tuyển dụng nhân viên của doanh nghiệp được công khai, tuyển dụng khách quan và nêu rõ yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công tác.

Cơ cấu tổ chức trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ là cơ cấu tổ chức tập trung, phù hợp với quy mô, đặc điểm, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp giúp dễ dàng quản lý, kiểm soát tốt các hoạt động diễn ra hàng ngày. Nhân sự ở vị trí nhà quản lý trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ rất ít có sự thay đổi, điều này cho thấy sự ổn định trong phong cách quản lý, điều hành và tốt cho các hoạt động kiểm soát trong doanh nghiệp cũng như thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả.

Qua kết quả khảo sát ta thấy, hiện nay phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Bình Định, nhìn chung đều có thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và phân tích, đánh giá cụ thể theo 5 nhân tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ: Môi trường kiểm soát, đánh giá

rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát, góp phần ngăn ngừa, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và làm tăng mức độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo đạt được các mục tiêu doanh nghiệp đề ra.

2.3.2. Hạn chế

Các nhà quản lý rất muốn quan tâm đầu tư đến chính sách phát triển nguồn nhân lực, vì con người là nhân tố hết sức quan trọng và then chốt. Tuy nhiên vì mục tiêu lợi nhuận mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ ít quan tâm đầu tư, tuyển thêm lao động, sợ chi phí tăng cao, điều này ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát chung toàn doanh nghiệp.

Có rất ít doanh nghiệp vừa và nhỏ quan tâm đến việc xây dựng các nội quy, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, quy trình làm việc theo từng khâu nghiệp vụ chuyên môn, việc phân công nhiệm vụ quyền hạn cho từng bộ phận, phòng ban cũng chưa cụ thể, rõ ràng.

Chế độ tiền lương, tiền thưởng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa được các nhà quản lý doanh nghiệp quan tâm đúng mức, chưa trả tiền lương, thưởng tương xứng với công sức người lao động bỏ ra, điều này không khuyến khích được tinh thần làm việc của nhân viên.

Có gần 50% doanh nghiệp hầu như không quan tâm đến việc nhận dạng và phân tích rủi ro hoạt động kinh doanh, rủi ro về môi trường hoạt động, điều này dễ gây thiệt hại và đe dọa đến các mục tiêu của chính doanh nghiệp, điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải thường xuyên nhận dạng và phân tích các rủi ro ảnh hưởng đến mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Việc phân tích và đánh giá rủi ro nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu chung của doanh nghiệp và mục tiêu riêng biệt.

Hoạt động kiểm soát trong các doanh nghiệp cũng được quan tâm và đầu tư. Tuy nhiên, nguyên tắc cần thiết của kiểm soát là ủy quyền và phân công phân nhiệm lại chưa được đảm bảo gây ảnh hưởng đến các mục tiêu hoạt động kiểm soát.

Một số nguyên nhân khiến hệ thống kiểm soát nội bộ chưa thật sự hiệu quả trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định:

- Một bộ phận không nhỏ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc chưa xây dựng riêng cho mình một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu. Điều này cũng dễ hiểu bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn về vốn và đầu ra sản phẩm. Vì vậy với nguồn lực có hạn doanh nghiệp phải giành cho mình những ưu tiên hơn.

- Đa phần các doanh nghiệp không đủ nhân lực để phân chia trách nhiệm để nhân viên của mình kiêm nhiệm giữa các chức năng phê chuẩn, thực hiện, ghi chép nghiệp vụ và bảo vệ tài sản. Do đó vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm nên việc bảo vệ tài sản và sổ sách kế toán không chặt chẽ, dễ bị gian lận, mất mát.

- Hoạt động kiểm soát đối với hệ thống máy tính chưa được tốt, cụ thể: chưa phân loại đối tượng sử dụng, chưa khai báo cho từng User trước khi đăng nhập hệ thống, chưa phân quyền Xem, Thêm, Sửa, Xóa...

- Việc bảo đảm an toàn cho hệ thống máy tính cũng chưa được quan tâm đúng mức. Nên việc đảm bảo dữ liệu không bị xâm hại, mất mát và có độ tin cậy cao cũng chưa đạt. Các thủ tục kiểm soát chưa đủ để giúp doanh nghiệp bảo mật thông tin với bên trong lẫn bên ngoài doanh nghiệp.

- Khi ra quyết định kinh doanh, các nhà quản lý doanh nghiệp thường dựa vào thông tin từ thị trường và cảm tính, kinh nghiệm

phán đoán có được từ thực tế hơn là dựa vào những thông tin do hệ thống kế toán cung cấp.

- Các chính sách sử dụng lao động chưa tốt nên không tạo được động lực khuyến khích người lao động nhiệt tình trong công việc và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Kết luận chương 2

Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp có cố gắng vận dụng lý thuyết kiểm soát nội bộ vào thực tế để kiểm soát và quản lý các hoạt động của doanh nghiệp mình nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát chỉ mang tính tự phát, không hệ thống nên mức độ thành công chưa đạt như mong muốn, vẫn còn nhiều điểm khiến hệ thống kiểm soát nội bộ chưa phát huy hết hiệu quả như: về tổ chức nhân sự, phân định trách nhiệm, quyền hạn, kiểm soát hệ thống máy tính, đánh giá và phân tích các rủi ro ở doanh nghiệp...

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI BÌNH ĐỊNH

3.1.1. Giải pháp về môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát là nhân tố quan trọng cho các thành phần khác của hệ thống kiểm soát nội bộ, để có được môi trường kiểm soát tốt người đứng đầu doanh nghiệp phải thiết lập cơ cấu tổ chức,

xây dựng các nội quy, quy chế, ban hành các văn bản quy định rõ ràng đến từng bộ phận, từng nhân viên để toàn thể nhân viên trong doanh nghiệp biết, nắm bắt và hành động.

Các nhà quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định cũng cần phải tham gia các lớp đào tạo về kỹ năng quản lý, điều hành doanh nghiệp như khóa đào tạo về Giám đốc điều hành – CEO (Chief Executive Officer), khóa đào tạo về Giám đốc tài chính – CFO (Chief Financial Officer),...

Các nhà quản lý doanh nghiệp nên để nhân viên mình tham gia trao đổi bàn bạc cho các chiến lược kinh doanh, các mục tiêu tài chính để bám sát thực tế hơn và dễ dàng thực hiện.

Các nhà quản lý doanh nghiệp cần thể hiện hành vi ứng xử đúng đắn và là tấm gương sáng cho nhân viên noi theo. Doanh nghiệp vừa và nhỏ cần quan tâm xây dựng các nội quy, quy chế làm việc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử..., cụ thể như: Xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, tạo môi trường giao tiếp trên tinh thần cởi mở và chân thành, Xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, nhà cung cấp, cổ đông... và ban hành rộng rãi các nội quy, quy chế trong toàn doanh nghiệp để mỗi nhân viên biết và kết hợp với ý nghĩa, nội dung, tinh thần của nội quy, quy tắc vào trong mỗi hành động để đạt được mục tiêu chung toàn doanh nghiệp.

Để mỗi nhân viên hiểu được rõ ràng công việc của mình và tránh bị trùng lặp, chồng chéo với trách nhiệm và quyền hạn thì đòi hỏi doanh nghiệp cần phải lập bảng mô tả công việc rõ ràng có sự phân tích đầy đủ về yêu cầu kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho từng cá nhân, từng vị trí trong doanh nghiệp giúp đảm bảo công tác quản lý hiệu quả và được truyền đạt rộng rãi trong nội bộ công ty, định kỳ xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Có chính sách tiền lương, tiền thưởng thỏa đáng, chính sách đề bạt cụ thể rõ ràng. Có như vậy người lao động mới yên tâm làm việc,

phát huy sức sáng tạo, tăng năng suất làm việc, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

3.1.2. Giải pháp về hoạt động đánh giá rủi ro

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định điểm bất lợi lớn nhất là khả năng cạnh tranh trên thị trường do bị hạn chế về vốn, kỹ thuật và nhân lực. Vì vậy để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải tự đánh giá và biết thế mạnh của mình để phát huy và đứng vững trên thị trường.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra hàng ngày, các hoạt động đó luôn tiềm ẩn nhiều loại rủi ro gây thiệt hại cho doanh nghiệp để hạn chế, phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro, doanh nghiệp cần:

- Thiết lập các mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp cụ thể và phổ biến rộng rãi trong toàn doanh nghiệp.

Mục tiêu này nên được xây dựng từ các cuộc họp và lấy ý kiến đóng góp của nhiều cấp quản lý, nhà đầu tư, cổ đông từ đó có được sự thống nhất, đồng thuận trong toàn doanh nghiệp. Qua đó, phân tích đánh giá mục tiêu tổng thể cũng như mục tiêu chi tiết để mọi nhân viên có thể lấy đó làm cơ sở tham chiếu khi triển khai công việc, hạn chế và giảm thiểu các rủi ro trong quá trình thực hiện các mục tiêu.

- Nhận dạng và phân tích rủi ro

Đặc biệt, trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế biến động xấu như hiện nay, các yếu tố bất lợi đã và đang xảy ra nên các doanh nghiệp cần tập trung rà soát và xem xét đánh giá phân tích các loại rủi ro như sau:

- + *Rủi ro chiến lược*: Sự phù hợp về định hướng chiến lược khi thị trường thay đổi hoặc có các quy định khác: Doanh nghiệp nên xem xét đã đi đúng định hướng chiến lược chưa? Có cần phải thay

đổi như thu hẹp hay thay đổi thứ tự ưu tiên các hoạt động chiến lược để tránh các rủi ro làm doanh nghiệp đi chệch hướng của mình?

+ *Rủi ro hoạt động*: Các ảnh hưởng của suy giảm thị trường, tăng chi phí đầu vào... Các mảng hoạt động của doanh nghiệp có còn hoạt động hiệu quả không? Tại sao lại không hiệu quả? Doanh nghiệp đã có quy trình hoặc chức năng nào phải xem lại để duy trì được hiệu quả không?

+ *Rủi ro tài chính*: Cần quản lý hiệu quả nguồn tài chính: Doanh nghiệp có chủ động sắp xếp đủ nguồn tài chính cho các dự án của mình không? Tỷ lệ nợ có đảm bảo không? Hệ số khả năng thanh toán thế nào? Việc sử dụng nguồn tài chính có được theo dõi và giám sát chặt chẽ không?

+ *Rủi ro tuân thủ*: Trong điều kiện khủng hoảng, lạm phát tăng cao, Nhà nước có thể sẽ đưa ra nhiều chính sách, quy định để điều hành nền kinh tế hiệu quả hơn. Doanh nghiệp phải đảm bảo mình sẽ đáp ứng được các yêu cầu đó như thế nào.

3.1.3. Giải pháp về hoạt động kiểm soát

- Hệ thống kế toán

Hệ thống kế toán ở các doanh nghiệp được khảo sát nhìn chung được thực hiện kiểm soát tốt như: có chứng từ phản ánh đầy đủ cho tất cả các nghiệp vụ, đánh số thứ tự các chứng từ, tuân thủ quy trình luân chuyển chứng từ, ký trách nhiệm trên mỗi chứng từ, chứng từ được ghi chép chính xác, trung thực, và kiểm tra, đối chiếu vật chất đối với các sổ sách, tài sản...

Khuyến khích khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, hạn chế thanh toán bằng tiền mặt; Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ sách và số liệu kiểm kê thực tế, cụ thể như: Kiểm kê tiền mặt tại quỹ và đối chiếu tiền mặt trên sổ sách; Kiểm kê hàng tồn kho và đối chiếu số liệu trên sổ sách; Xác minh đối chiếu công nợ phải thu, phải trả...

- Hệ thống máy tính

Kết quả khảo sát cho thấy, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đều sử dụng hệ thống máy tính để hạch toán nhưng chưa chú trọng đến kiểm soát hệ thống máy tính, chưa thực hiện việc khai báo User, Password trước khi đăng nhập vào hệ thống, chưa phân loại đối tượng sử dụng hệ thống. Vì vậy các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Bình Định cần quan tâm đến kiểm soát hệ thống máy tính như:

Khai báo User, Password trước khi đăng nhập vào hệ thống máy tính. Phân loại từng đối tượng sử dụng và phân quyền truy cập vào hệ thống trước khi đăng nhập, mỗi người chỉ được truy cập vào phần dữ liệu, hệ thống liên quan đến chức năng và nhiệm vụ mà họ được cấp quyền sử dụng mà thôi. Thường xuyên thay đổi mật khẩu trong một thời gian nhất định cho từng đối tượng sử dụng. Sao lưu và truyền dữ liệu đến nơi an toàn theo định kỳ, cụ thể như 3 tháng, 6 tháng và 01 năm.

3.1.4. Giải pháp về thông tin và truyền thông

- Đa dạng hóa các kênh thông tin

Kênh thông tin là phương tiện để nhà quản lý truyền đạt mong muốn xuống các cấp dưới đảm bảo mọi nhân viên có thể thực hiện nhiệm vụ và thu nhận các ý kiến phản hồi.

Ngoài những kênh thông tin truyền thống như: qua các cuộc họp, gặp gỡ, trao đổi, bằng văn bản; đại hội cổ đông đối với công ty cổ phần; hội nghị khách hàng... doanh nghiệp nên xây dựng thêm những kênh thông tin mới để nắm bắt kịp thời và nhiều chiều hơn như: xây dựng công thông tin điện tử - website, địa chỉ email, thiết lập số điện thoại đường dây nóng, lắp đặt hộp thư góp ý, phiếu đánh giá ...

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng cần thiết phải xây dựng mạng máy tính nội bộ và phần mềm quản lý nghiệp vụ nghiệp của từng bộ phận để dàng tích hợp được với nhau để người quản lý có

thể truy cập vào các số liệu ở từng bộ phận, phòng ban kiểm tra đối chiếu

Thông tin và truyền thông phải được cập nhật kịp thời, hữu ích để cho nhà quản lý điều hành hiệu quả, đảm bảo thực hiện được các mục tiêu đề ra.

3.1.5. Giải pháp về hoạt động giám sát

- *Giám sát thường xuyên*: ngoài việc thiết kế, vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ để các nhân viên thực hiện đạt được các mục tiêu chung của doanh nghiệp nó còn có chức năng giám sát giữa các nhân viên với nhau, các phòng ban lẫn nhau. Tuy nhiên, nhà quản lý doanh nghiệp cũng phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các công việc hàng ngày trong phạm vi của mình, qua đó nhà quản lý cũng sẽ phát hiện được những điểm chưa hợp lý, bất cập của hệ thống và biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Các nhà quản lý doanh nghiệp luôn luôn phải quan tâm đến việc tiếp nhận các ý kiến phản hồi, góp ý của khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư... để điều chỉnh đúng lúc, giữ uy tín cho doanh nghiệp mình.

- *Giám sát định kỳ*:

Định kỳ, các nhà quản lý doanh nghiệp tham gia xây dựng hệ thống ngòai lại cùng nhau phân tích, đánh giá tính hữu hiệu, sự phù hợp với điều kiện hiện tại hay không.

Định kỳ, tổ chức các họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc của từng nhân viên tham gia vận hành hệ thống kiểm soát, kiểm tra lại các quy trình nghiệp vụ và đối chiếu, so sánh số liệu giữa sổ sách và thực tế.

Định kỳ, mời kiểm toán độc lập về làm việc.

3.2. GIẢI PHÁP CÓ SỰ TRỢ GIÚP CỦA CÁC QUY ĐỊNH NHÀ NƯỚC

3.2.1. Ban hành các hướng dẫn và xây dựng hệ thống lý luận kiểm soát nội bộ của Việt Nam

Để hệ thống kiểm soát nội bộ trong mỗi doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, tính thực tiễn cao và dễ dàng áp dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này đòi hỏi các nhà nghiên cứu, lý luận, Bộ, Ban ngành mà đặc biệt là Bộ Tài chính cần phải tìm hiểu kinh nghiệm ở các nước bạn từ đó ban hành các quy định hướng dẫn về việc áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ và xây dựng một hệ thống lý luận kiểm soát nội bộ chung sao cho phù hợp với quy mô và loại hình doanh nghiệp để hiểu, dễ thực hiện, phổ biến rộng rãi đến các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3.2.2. Thế chế hoá những quy định về luật pháp

Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vì vậy môi trường kinh doanh nước ta đang theo xu hướng toàn cầu hóa nên các quy định luật pháp được cải thiện, nới lỏng dần để hội nhập quốc tế và để đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội mà đất nước đã đề ra thì đòi hỏi Nhà nước cần phải có những chủ trương, chính sách đổi mới phù hợp hơn nữa với điều kiện tình hình kinh tế thế giới và nước ta hiện nay tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

KẾT LUẬN

Trong xu thế kinh tế đất nước ngày càng phát triển và thay đổi nhanh tạo nên bức tranh kinh tế đầy sống động nhưng đi cùng với đó là sự cạnh tranh khốc liệt. Cùng với tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hiện nay gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp mà cụ thể là các doanh nghiệp vừa và nhỏ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Vì vậy các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần phải chủ động, tích cực tự hoàn thiện mình, thay đổi cách thức quản lý, quan tâm hơn nữa đến hoạt động kiểm soát để giúp doanh nghiệp mình tối ưu hóa mọi nguồn lực đảm bảo các mục tiêu chung của doanh nghiệp, có như vậy mới đứng vững trên thị trường và phát triển.

Qua 3 chương của Luận văn, với toàn bộ nội dung nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ từ hệ thống lý luận hiện đại và hoàn thiện về kiểm soát nội bộ, luận văn đã đạt được những kết quả nghiên cứu nhất định. Mục đích cuối cùng của luận văn là khảo sát thực trạng về kiểm soát nội bộ tại một số doanh nghiệp điển hình trên địa bàn tỉnh Bình Định và đề xuất được các kiến nghị nhằm nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp.

Mong rằng những giải pháp đề xuất trong luận văn là những đóng góp nhất định trong việc nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tương lai.